TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 28/2019/DS-ST
Ngày: 15/10/2019
V/v "*Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Bà Vũ Thị Đào.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2018/TLST-DS, ngày 12/12/2018 về việc "Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS ngày 26/9/2019 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2019/QĐ-PC ngày 08/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Th - sinh năm 1975 (có mặt).
Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng S - sinh năm 1981 (có mặt).
Bà Trần Thị Ngọc Gi - sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp V1, xã V2, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Th trình bày: Tôi có bán thức ăn nuôi tôm, tôm giống và thuốc nuôi thủy sản tại ấp T, xã V, huyện G nên ông S, bà Gi có đến cửa hàng bán thức ăn nuôi tôm, tôm giống và thuốc nuôi thủy sản của tôi mua nhiều lần là từ ngày 24/3/2017âl đến ngày 21/12/2017âl thì ngưng không mua nữa. Sau đó, cùng ngày 21/12/2017âl tôi và ông S, bà Gi kết sổ thì ông S, bà Gi còn thiếu tôi số tiền là

193.390.000 đồng nên tôi có yêu cầu ông S, bà Gi trả nhiều lần nhưng ông S, bà Gi hứa mà không thực hiện kéo dài đến nay.

Nguyện vọng: Tôi yêu cầu ông S, bà Gi phải trả cho tôi số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm, tôm giống và thuốc nuôi thủy sản còn thiếu là 193.390.000 đồng và tính lãi theo qui định của pháp luật từ ngày 21/12/2017âl đến khi giải quyết xong vụ án và trả một lần dứt nợ.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 19/8/2019 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lê Hoàng S trình bày: Tôi thừa nhận có mua tôm giống, thức ăn tôm, thuốc nuôi thủy sản của bà Th từ ngày 24/3/2017 (âm lịch) đến ngày 28/9/2017 (âm lịch) thì ngưng nên hai bên có chốt nợ vào ngày 21/12/2017 âm lịch (tức là ngày 06/02/2018 dương lịch) thì tôi còn nợ bàTh số tiền 193.390.000 đồng. Nguyên nhân tôi không mua nữa do bà Th không bán vì tôi nuôi tôm thất bại chứ tôi không tự ngưng. Do bà Th không bán cho tôi nữa nên thời điểm đó tôm tôi thiếu thức ăn và chết, gây thiệt hại cho tôi rất nhiều, tôi không đi mua ở cửa hàng thức ăn chỗ khác được do không có tiền. Trong số tiền chốt nợ là 193.390.000 đồng thì có phần tiền tôm giống là 400.000 con tôm giống, tổng tiền là 40.000.000 đồng thì tôi thả tôm chết. Bà Th có hứa là thả bù cho tôi nhưng lúc chốt nợ tôi có thắc mắc tại sao ghi luôn số tiền này vào số tiền chốt nợ (tức là phải trừ ra 40.000.000 đồng) thì bà Th nói là ghi để đối chiếu với công ty chứ khi trả tiền thì bà Th sẽ không tính số tiền này với tôi. Do đó, tôi chỉ thiếu bà Th tổng số tiền là 150.390.000 đồng. Lúc đó hai bên chỉ nói miệng với nhau chứ không có làm giấy tờ. Tôi thừa nhận khi chốt nợ với bà Th với số tiền 193.390.000 đồng nhưng tôi không yêu cầu bà Th trừ số tiền 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị Th còn hứa khi trả tiền sẽ trừ lại mỗi bao thức ăn là 50.000 đồng nhưng hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm giấy tờ gì.

Nay, bà Th kiện tôi trả số tiền 193.390.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 21/12/2017 âm lịch cho đến nay thì tôi có ý kiến như sau:

Tôi thừa nhận tôi có ký chốt nợ ngày 21/12/2017 âm lịch và hiện nay tôi còn nợ bà Th số tiền 193.390.000 đồng. Tôi đồng ý trả số nợ này cho bà Th còn vợ tôi là Gi không có liên quan gì đối với số nợ này, tôi yêu cầu bà Th miễn tính lãi vì gốc không có khả năng trả và tôi xin trả dần số tiền trên một năm là 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 19/8/2019 đồng bị đơn bà Trần Thị Ngọc Gi bày: Tôi xác định việc chồng tôi có mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Th như thế nào thì tôi không biết và còn thiếu số tiền là 193.390.000 đồng tôi cũng không biết vì lúc chồng tôi nuôi tôm thì tôi không có nhà mà đi làm ở Cần Thơ.

Nguyện vọng: Tôi không đồng ý cùng chồng tôi trả số tiền còn nợ của bà Th là 193.390.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết của Tòa án cũng như các thủ tục hòa giải, thủ tục tố tụng tại phiên tòa

là đúng theo qui định. Đối với đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục sau này.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông S, bà Gi phải trả cho bà Th số tiền là 193.390.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 21/12/2017âl đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc Gi là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Gi có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là ông S có đến cửa hàng thức tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản của bà Th mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản về để thả nuôi là đúng sự thật.

Xét về yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th thì HĐXX thấy rằng: Ông Lê Hoàng S có đến cửa hàng tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản của bà Th để mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc nuôi thủy sản về thả nuôi từ ngày 24/3/2017âl đến ngày 21/12/2017âl. Khi mua bán với nhau thì bà Th có ghi sổ sách rõ ràng, cụ thể và bà Th cũng có giao cho ông S một cuốn để ghi tôm giống, thức ăn, thuốc thủy sản và số tiền. Đồng thời, khi ông S trả tiền thì bà Th có ghi vào sổ giao cho ông và bà Th cũng ghi vào sổ lưu của bà. Do đó, yêu cầu của bà Th là phù hợp với thực tế giữa giao dịch mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản ở địa phương và có căn cứ chấp nhận.

Xét về lời trình bày của ông S thì thấy rằng: Ông thừa nhận có mua tôm giống, thức ăn và thuốc thủy sản của bà Th từ ngày 24/3/2017âl đến ngày 21/12/2017âl, ông S cũng thừa nhận còn thiếu bà Th số tiền mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 193.390.000 đồng là đúng nhưng ông cam kết và hứa hẹn trả nhiều lần mà không thực hiện, để kéo dài đến nay chưa thanh toán được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự 2015.

Xét lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc Gi thì bà cho rằng việc ông S nuôi tôm, mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Th thì bà không biết nên bà không đồng ý cùng ông S trả số tiền trên cho bà Th là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, ông S mua tôm giống, thức ăn và thuốc thủy sản về để nuôi là phục vụ cho gia đình. Đồng thời, trước khi nuôi tôm và hiện nay hôn nhân của ông Sơn, bà Gi vẫn còn tồn tại. Mặc khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng". Do đó, buộc ông Lê Hoàng Sơn, bà Trần Thị

Ngọc Gi phải trả số tiền còn thiếu cho bà Th là 193.390.000 đồng có căn cứ và đúng với pháp luật.

[3] Về lãi suất: Xét về yêu cầu tính lãi suất của bà Th thì HĐXX xét thấy: Bà Th yêu cầu tính lãi suất trên tổng số tiền gốc từ ngày 21/12/2107âl đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, ông S thừa nhận việc mua tôm giống, thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ là phải tính lãi suất là đúng nên ông yêu cầu của bà Th miễn tính lãi suất vì vốn gốc không có khả năng trả. Mặc khác, giá tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản hiện nay tăng cao số với thời điểm mua hàng của ông S nên bà Th đã bị thiệt hại. Đồng thời, ông S yêu cầu bà Th miễn lãi nhưng không được bà Th chấp nhận nên không có căn cứ xem xét yêu cầu miễn lãi của ông S. Do vậy, việc bà Th yêu cầu tính lãi là đúng với thực tế và hợp pháp. Do đó, bà Th yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Ngoài ra, tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015 có quy định:

"*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này".

Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*".

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm : 12 tháng = 0,83%/tháng nên lãi suất tính từ ngày 21/12/2017âl (tức là ngày 06/02/2018) đến ngày xét xử là 15/10/2019 là 20 tháng 09 ngày:

(193.390.000đ x 0,83%/tháng) x 20 tháng 09 ngày = 32.584.281,1 đồng.

Tổng vốn và lãi là: 193.390.000đ + 32.584.281,1đ = 225.974.281đ (hai trăm hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng).

Về việc ông S xin trả dần số tiền trên mỗi một năm là 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ cho bà Th yêu cầu này của ông S không được bà Th chấp nhận nên buộc ông S, bà Gi phải có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền vốn và lãi là 225.974.281đ (hai trăm hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng).

Tại phiên tòa vị đại Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Võ Thị Th đối với ông Lê Hoàng S, bà Trần Thị Ngọc Gi nên lời đề nghị này của vị đại Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích đánh giá trên cùng với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và sau khi thảo luận, nghị án HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ do mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Võ Thị Th đối

với ông Lê Hoàng S, bà Trần Thị Ngọc Gi. Buộc ông Lê Hoàng S, bà Trần Thị Ngọc Gi phải trả cho bà Võ Thị Th số tiền là 225.974.281đ (hai trăm hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí DSST có giá ngạch là: 225.974.281đ x 5% = 11.298.714,1 đồng làm tròn 11.299.000 đồng ông Lê Hoàng S, bà Trần Thị Ngọc Gi chịu nộp do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Yêu cầu của bà Võ Thị Th được Tòa án chấp nhận nên bà nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 4.834.000 đồng (bốn triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai Th tiền số 0008772 ngày 12/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11, Điều 280, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức Th miễn, giảm, Th nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th đối với bị đơn ông Lê Hoàng S, bà Trần Thị Ngọc Gi.

Buộc ông Lê Hoàng S, bà Trần Thị Ngọc Gi phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Th số tiền là 225.974.281đ (hai trăm hai mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Võ Thị Th cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lê Hoàng Sơn, bà Trần Thị Ngọc Gi còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST có giá ngạch là: 225.974.281đ x 5% = 11.298.714,1 đồng làm tròn 11.299.000 đồng ông Lê Hoàng Sơn, bà Trần Thị Ngọc Gi chịu nộp do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Bà Võ Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 4.834.000 đồng (bốn triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai Th tiền số 0008772 ngày 12/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Th ông Lê Hoàng S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 15/10/2019. Bà Trần Thị Ngọc Gi có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hoài Thanh